

Số: 17/BC-THCSCK

Long Biên, ngày 15 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Cự Khối

2. Địa chỉ trụ sở: Tổ 11 phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tinh thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích cho xã hội.

b) Tầm nhìn

Trở thành một trong những trường THCS có chất lượng giáo dục của quận Long Biên, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh về trí lực. Đồng thời, giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, luôn năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên, tự tin trong sự phát triển hội nhập của đất nước.

Duy trì đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ I. Là ngôi trường trong đó học sinh thực sự được "học" được cảm thấy hạnh phúc và có giá trị. Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành tích cao trong sự phát triển và không ngừng hoàn thiện về trí tuệ và nhân phẩm.

c) Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Trường THCS Cự Khối mong muốn đạt được mục tiêu của nền giáo dục nước nhà, phấn đấu hướng tới một xã hội học tập, có khả năng hội nhập quốc tế; đào tạo được những con người có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có thể lực tốt, có bản lĩnh, trung thực, ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã

hội và toàn cầu.

Huy động toàn bộ đội ngũ CB-GV-NV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; Giáo dục học sinh rèn luyện đạo đức, lối sống; chấp hành tốt pháp luật - kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

Phát triển đội ngũ CB-GV-NV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy, học phù hợp và phát huy tính chủ thể đối với học sinh; luôn nêu cao ý thức và phấn đấu thực hiện tốt phong trào tự học tập, bồi dưỡng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển chuyên môn và nhân cách nhà giáo của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường.

Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa qua việc phát huy tốt phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” với nội dung chủ yếu: tạo khung cảnh nhà trường luôn “ Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Hạnh phúc”, môi trường sư phạm lành mạnh; tạo sự đoàn kết gắn bó, tôn trọng nhau giữa các thành viên trong trường; xây dựng phương pháp dạy - học tích cực cho học sinh ở trường, ở nhà, học tập theo nhóm, tổ và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp để giáo dục truyền thống, rèn luyện sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.

Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học và quản lý. Xây dựng kế hoạch và huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng cao; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn tạo được niềm tin với cấp ủy, chính quyền nhân dân địa phương.

Tổ chức thực hiện tốt quy mô trường có 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và đầu tư chất lượng giáo dục mũi nhọn.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Cự Khối được thành lập năm 1966. Nằm trên địa bàn tổ 11 phường Cự Khối, quận Long Biên, TP Hà Nội; Đến nay, trải qua gần 60 năm phấn đấu trường thành, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn đoàn kết một lòng hoàn thành tốt sứ mệnh lịch sử “trồng người” lớn lao mà Đảng và Nhà nước giao phó, là địa chỉ tin cậy của các bậc cha mẹ học sinh.

Năm 2020 trường được UBND thành phố Hà Nội công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I và kiểm định mức độ 2. Nhà trường đã, đang ngày càng khẳng định vị thế và uy tín trước các cấp lãnh đạo và nhân dân.. Những kết quả mà nhà trường đạt được đã chứng minh điều đó. Cơ cấu bộ máy nhà trường có đầy đủ các bộ phận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, học sinh khối 6,7,8,9 các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, có chi bộ Đảng lãnh đạo, các đoàn thể trong nhà trường; công chức, viên chức nhà trường chịu sự quản lý của UBND quận, các hoạt động chuyên môn chịu sự quản lý của phòng GD&ĐT. Chức năng nhiệm vụ của nhà trường thực hiện theo điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Cơ sở vật chất của nhà trường kiên cố có đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành. Nhờ sự quan tâm của Đảng, chính quyền phường Cự Khối, Phòng GD&ĐT, UBND quận Long Biên các hoạt động giáo dục 5 năm trở lại đây được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc; các kết quả hoạt động có sự chuyển biến tích cực, hàng năm nhà trường đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ năm học đặt ra. Tập thể cán bộ giáo viên nhà trường nhiều năm liền thi đua đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

Với nhiều biện pháp tích cực và đồng bộ cùng với sự đoàn kết, đồng thuận, luôn giúp đỡ nhau trong mọi hoạt động của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, mọi hoạt động đã đạt được nhiều kết quả vững chắc. Nhà trường luôn nhận được sự tin tưởng của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, của ngành Giáo dục và Đào tạo, được cha mẹ học sinh và xã hội đồng tình ủng hộ, uy tín của nhà trường ngày được nâng lên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Lê Thị Hồng Thái. Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 11, phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0987.126.171

Địa chỉ thư điện tử: Lethai6272@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- a) Quyết định thành lập trường (*theo file quyết định đính kèm*)
- b) Quyết định công nhận hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường (*theo file quyết định đính kèm*)
- c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (*theo các file quyết định đính kèm*)

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện phổ cập giáo dục.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường THCS.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

e) Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục (Biểu kèm theo)

g) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Họ tên: Lê Thị Hồng Thái

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0987126171

- Địa chỉ thư điện tử: Lethai6272@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 11, phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

+ Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

+ Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc xét tốt nghiệp THCS cho học sinh.

+ Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn SGK sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

+ Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài

chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

+ Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

+ Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm

VỊ TRÍ VIỆC LÀM		Nam	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Đạt chuẩn		Trên chuẩn	
						SL	TL	SL	TL
Cán bộ quản lý	Hiệu trưởng		01	01				1	100
	Phó Hiệu trưởng		01	01				1	100
Giáo viên	Văn hóa	3	25	16	12	26		2	10%
	Âm nhạc		1	1		1	100%		
	Mĩ thuật		1	1		1	100%		
	Giáo dục thể chất	2		2		2	100%		
	Tiếng Anh	1	4	3	2	5	100%		
	Tin học		1	1		1	100%		
	TPT		1	1			100%		
Nhân viên	Kế toán				1	1	100%		
	Văn thư			1		1	100%		
	Thư viện			1			100%		
	Y tế			1		1	100%		
	Đồ dùng	1		1		1	100%		
	Bảo vệ	3			3				
	Lao công, giám thị		1		1				
Tổng cộng		10	39	31	18	41	88%	4	10%

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

XẾP LOẠI CHUẨN NGHỀ NGHIỆP	Tốt		Khá		Không đánh giá	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	2	100%	0	0	0	0
Giáo viên	22	91.6%	02	8.2%	0	0

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

BỒI DƯỠNG HẰNG NĂM	Hoàn thành		Không hoàn thành	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	2	100%	/	/
Giáo viên	24	100%	/	/
Nhân viên	5	100%	/	/

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	22	1.28
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	03	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	22/22	
8	Bình quân học sinh/lớp	39 hs/lớp	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8360	13.0
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6535	10.2
VI	Tổng diện tích các phòng	1825	
1	Diện tích phòng học (m ²)	850	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	225	
3	Diện tích thư viện (m ²)	100	
3	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	125	
4	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	100	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	08	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có quy định		
1.1	Khối lớp 6	02	02/02
1.2	Khối lớp 7	02	02/02
1.3	Khối lớp 8	02	02/02
1.4	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	02	02/02
2.1	Khối lớp 6		

2.2	Khối lớp 7					
2.3	Khối lớp 8					
3	Khối lớp 9					
4	...					
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	42	Số học sinh/bộ			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp			
1	Ti vi	4	0.4			
2	Cát xét	6	0.6			
3	Đầu Video/đầu đĩa	7	0.7			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0.3			
5	Thiết bị khác...	13	01			
6					
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp					
XI	Nhà ăn					
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ			
			Diện tích bình quân/chỗ			
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X	X	X	X	X
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 12/2011/QĐ-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
--	----------	----	-------

XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

*** Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:**

- Danh mục sách giáo khoa lớp 6 được sử dụng trong nhà trường từ năm học 2021-2022 theo Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Danh mục sách giáo khoa lớp 7 được sử dụng trong nhà trường từ năm học 2022-2023 theo Quyết định 1706/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa lớp 7, lớp 10 trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Danh mục sách giáo khoa lớp 8 được sử dụng trong nhà trường từ năm học 2023-2024 theo QĐ số 2572/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 8, lớp 11 và sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 9 được sử dụng trong nhà trường từ năm học 2024-2025 theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 9, lớp 12 của cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1:

+ Tổng số các tiêu chí đạt: **28/28 = 100%**

+ Tổng các tiêu chí không đạt: **0**

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 2:

+ Tổng số các tiêu chí đạt: $28/28 = 100\%$

+ Tổng các tiêu chí không đạt: $0/28 = 0\%$

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 3:

+ Tổng số các tiêu chí đạt: $18/20 = 90\%$

+ Tổng các tiêu chí không đạt: $02/20 = 10\%$

Căn cứ Thông tư số: 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông. Trường THCS Cự Khối tự đánh giá: **Đạt kiểm định chất lượng giáo dục ở mức 2 và Đạt Trường chuẩn quốc gia mức độ I.**

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh

a) Chỉ tiêu được giao năm học 2023 - 2024: 300 học sinh/7 lớp.

b) Kết quả tuyển sinh thực tế: 297 học sinh/7 lớp.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh

Khối lớp	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Nữ	Số học sinh học 2 buổi /ngày	Số học sinh dân tộc/nữ	Số HSKT học hòa nhập	Số học sinh chuyên đi	Số học sinh chuyên đến
Khối 6	7	294	143	294	0		2	3
Khối 7	6	230	109	230			3	4
Khối 8	5	172	83				3	2
Khối 9	4	155	76			01	2	2
Tổng cộng	22	851	411	524		01	14	11

3. Công tác phổ cập giáo dục:

Công tác phổ cập giáo dục: Phối hợp với UBND phường Cự Khối làm tốt công tác điều tra, nhập số liệu, hoàn thành tốt công tác PCGD năm 2023.

4. Công tác dạy và học:

* Kết quả thi Giáo viên:

- 05 giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm đạt cấp Quận.

- 03/03 giáo viên dự thi GVG cấp Quận và đạt giải trong đó: 01 giải Ba môn GDTC, 02 đạt GVG cấp Quận.

- 01 giáo viên đạt giải Nhì cấp Quận cuộc thi về CNTT

* Kết quả của học sinh:

Tổng số học sinh toàn trường có 850 học sinh, kết quả học tập và rèn luyện về chất lượng đại trà, mũi nhọn như sau:

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	850	294	230	172	
1	Số học sinh chia theo hạnh kiểm khối 6,7,8	696	294	230	172	
1.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	684=98.28 %	289=98.3%	228=99.13 %	167=97.0 9%	
1.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	12=1.72%	5=1.7%	2=0.87%	5=2.91%	
1.3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
1.4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
2.	Số học sinh chia theo hạnh kiểm khối 9	154				153
2.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	153=99.35 %				153=99.3 5%
2.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1=0.65%				1=0.65%
2.3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
2.4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
II	Số học sinh chia theo học lực	850	294	230	172	
1	Số học sinh chia theo học lực khối 6,7,8	696	294	230	172	
1.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	303=45.53 %	124=42.18 %	114=49.57 %	66=38.37 %	
1.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	281=40.07 %	132=44.9%	87=37.83%	61=35.47 %	
1.3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	106=15.23 %	34=11.56%	28=12.17%	44=25.58 %	
1.4	Chưa đạt	6=0.86%	4=1.36%	01=0.43%	1=0.58%	

	(tỷ lệ so với tổng số)					
2.	Số học sinh chia theo học lực khối 9	154				154
2.1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	54=35.06 %				54=35.0 6%
2.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	61=39.61 %				61=39.6 1%
2.3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	39=25.32 %				39=25.3 2%
2.4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
2.5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0		0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	850	294	230	172	154
1.	Tổng hợp cuối năm Khối 6,7,8	850	294	230	172	
1.1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	303=45.53 %	124=42.18 %	114=49.57 %	66=38.37 %	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	281=40.07 %	132=44.9%	87=37.83%	61=35.47 %	
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	106=15.23 %	34=11.56%	28=12.17%	44=25.58 %	
1.2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	06=0.86 %	04=1.36 %	1=0.43%	1=0.58 %	
1.3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			
1.4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			
1.5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			
1.6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			
2.	Tổng hợp cuối năm Khối 9	154				154
2.1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	314=99.1 %				54=35.0 6%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	110=34.7 %				61=39.6 1%

b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	122=37.49				39=25.3 2%
2.2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4=1.26%				0
2.3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0				
2.4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0				
2.5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0		0	0	0
2.6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0		0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	36	0	10	0	1
1	Cấp tỉnh/thành phố	01	0	0	0	1
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	35	0	10	25	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	155	0	0	0	154
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	155	0	0	0	154
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	54=35.0 6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	61=39.6 1%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	39=25.3 2%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VII I	Số học sinh nam/số học sinh nữ	415/435	143/147	109/121	83/86	76/79
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

* *Hoạt động thư viện trường học- xếp loại:* Thư viện đạt mức 1

* *Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân*

đề nghị:**- Tập thể:**

- + Tập thể lao động tiên tiến cấp Quận
- + Trường Tiên tiến về TDTT cấp Thành phố.

- Cá nhân

- + 07 chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.
- + CB-GV-NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến: 50/50 đ/c đạt 100%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**1. Tình hình tài chính năm 2023** (nguồn Ngân sách nhà nước)

a. Ngân sách nhà nước cấp năm 2023: 4.109.400.000 đồng

b. Các khoản chi phân theo:

- Lương và phụ cấp: 3.145.768.805 đồng.
- Chi cơ sở vật chất, hoạt động chuyên môn, chi khác: 511.296.493 đồng.
- Kinh phí tiết kiệm trong năm: 452.334.702 đồng

2. Các khoản thu đối với người học năm học 2023-2024

a. Nguồn vệ sinh: 0 đồng

Tổng thu: 0 đồng. Tổng chi: 0 đồng. Tồn: 0 đồng.

b. Nguồn bán trú:

Tổng thu: 640.264.000 đồng. Tổng chi: 640.264.000 đồng. Tồn: 0 đồng

c. Nguồn tiếng anh với người nước ngoài:

Tổng thu: 1.272.600.000 đồng. Tổng chi: 1.272.600.000 đồng. Tồn: 0 đồng.

d. Nguồn hoạt động trải nghiệm: 0

Tổng thu: 0 đồng. Tổng chi: 0 đồng. Tồn: 0 đồng.

3. Các chính sách về trợ cấp, học bổng đối với người học và tình hình thực hiện tài chính hàng năm: Đảm bảo đúng và đủ.

4. Số dư các loại quỹ cuối năm: 1.960.198.192 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

** Thực hiện Chương trình 03 của Quận ủy: Kết quả triển khai xây dựng trường học Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp- Văn minh:*

- Nhà trường ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện trường học “Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp- Văn minh” năm học 2023-2024 bằng những việc làm cụ thể: Trang trí khung cảnh sư phạm đảm bảo nhà trường luôn sáng-xanh-sạch-đẹp- văn minh. Bổ sung nội quy, quy chế ngay

多... 每

... 每

... 每

... 每

... 每

... 每

- Công tác an ninh trường học:

+ Phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân phòng, bảo vệ khu phố, công an khu vực bố trí tuần tra, kiểm soát, chốt trực trước và xung quanh khu vực cổng trường vào những giờ cao điểm, giờ tan học.

+ Xây dựng các biện pháp nhằm thực hiện công tác phòng, chống bạo lực học đường.

+ Thực hiện quy chế phối hợp với công an phường về đảm bảo an ninh trật tự trường học;

* Công tác y tế học đường:

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh năm học 2023-2024, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, bộ phận.

- Duy trì thường xuyên: Vệ sinh trong, ngoài lớp học, khu vực bán trú, khu vệ sinh, nguồn nước uống đảm bảo an toàn.

* Các hoạt động về thể dục, thể thao, đoàn đội...

- Các hoạt động GD văn, thể, mỹ có chuyển biến tích cực theo hướng thực chất:

+ HKPD cấp Quận: 07 giải gồm 01 giải Nhì, 06 giải Ba môn Điền kinh.

+ Tổ chức sân chơi Biệt đội Khoa học Ismart cấp trường, tham dự liên trường trong quận, có 04 HS đạt giải cao trong cuộc thi.

- Liên đội đạt Liên đội mạnh cấp Quận

* Kết quả công tác kiểm tra nội bộ trường học:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ bám sát các văn bản chỉ đạo và đủ hồ sơ theo qui định.

- Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ nhà trường hàng tháng theo qui định, niêm yết tại bảng tin phòng HĐ ĐB CB- GV- NV theo dõi và thực hiện.

- Sau mỗi lần kiểm tra, Ban KTNB họp rút kinh nghiệm đối với GV- NV được kiểm tra, nêu chỉ rõ những ưu điểm, nhược điểm, những biện pháp cần làm để khắc phục kịp thời các tồn tại sau KT.

- Công tác kiểm tra nội bộ nhà trường mang tính thúc đẩy, không hình thức, lưu đầy đủ hồ sơ, biên bản kiểm tra, kết quả kiểm tra theo từng tháng khoa học, đảm bảo thông tin công khai kịp thời trước hội đồng GD, học sinh và phụ huynh, thực hiện công tác thu chi tài chính công khai minh bạch.

* Kết quả công tác ứng dụng CNTT:

Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch về CNTT, chuyển đổi số, thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, đánh giá, theo dõi kết quả thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

- 100% cán bộ, giáo viên nhà trường đã ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản lý, điều hành và giảng dạy, tích cực sử dụng thiết bị dạy học.

- 100% GV nhà trường sử dụng sổ điểm, sổ học bạ, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của HS trên phần mềm quản lý học sinh.

- Thường xuyên khai thác, cập nhật các thông tin trên cổng thông tin điện tử lớp 1, 2 của trường, quận, ngành, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị hiện đại.

- Thực hiện hiệu quả mô hình trường học điện tử.

** Việc thực hiện QCDC, 3 công khai trong trường học:*

- Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ: Nhà trường đã tổ chức, triển khai thực hiện tốt QCDC một cách đồng bộ, kịp thời. Công khai tất cả các hoạt động trong nhà trường và giải quyết thỏa đáng các ý kiến của cá nhân trong các cuộc họp hội đồng, họp tổ CM. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo qui định của CB-GV-NV trong năm học.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch 3 công khai theo thông tư 36 đúng quy định. Lưu đầy đủ hồ sơ theo quy định: Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, Quy chế thực hiện 3 công khai, KH thực hiện 3 công khai, biên bản niêm yết công khai và kết thúc công khai, báo cáo thực hiện 3 công khai.

** Công tác quản lý tài chính, tài sản:*

- Hệ thống văn bản chỉ đạo các cấp: Lưu trữ văn bản chỉ đạo đầy đủ, sắp xếp khoa học.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản, thu chi tại đơn vị thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, dự toán chi tiêu ngân sách và quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường xây dựng và cấp thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện chế độ chính sách với giáo viên, người lao động đúng quy định và kịp thời.

- Hồ sơ quản lý tài sản đầy đủ, cập nhật thường xuyên theo quy định.

** Hoạt động thư viện trường học- xếp loại:*

+ Nhà trường đăng ký đạt Thư viện mức độ 1

+ Nhà trường thường xuyên đầu tư mua sách tham khảo, sách nghiệp vụ phục vụ công tác dạy- học.

** Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp*

luật của Nhà nước trong CBGV, NV;

- 100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước. Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ chế độ, quyền lợi chính sách, chăm lo đời sống đối với cán bộ, giáo viên, người lao động đúng quy định và kịp thời.

- Chi bộ và BGH tổ chức tuyên truyền, học tập quán triệt các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, của Trung ương, Thành phố và của Ngành đến từng đảng viên, cán bộ giáo viên, công nhân viên nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc Bộ Quy tắc ứng xử của UBND TP, Sở GD&ĐT và nhà trường.

Số CB, GV-NV vi phạm: Không.

Nơi nhận:

- Website nhà trường;
- Lưu VT, hồ sơ công khai.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hồng Thái